

**+TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS - ST

Ngày: 30 - 9 - 2021.

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Đặng Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Chí Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST – DS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số X, khóm Y, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Thủy: ông Trầm Phú L, sinh năm 1992, theo văn bản ủy quyền ngày 25/01/2021. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Ch Ch, xã Ph H, huyện Tr C, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, khóm C, phường D, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông Q, bà Ng từ trước, nên từ ngày 09/3/2019 đến 30/10/2019 bà Th có cho ông Q, bà Ng vay mượn 4 lần tiền như sau:

+ Lần 1: Ngày 09/3/2019 bà có cho ông Q, bà Ng mượn số tiền 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

+ Lần 2: Ngày 23/3/2019 cho ông Q, bà Ng mượn số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần 3: Ngày 15/10/2019 cho ông Q, bà Ng mượn số tiền 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

+ Lần 4: Ngày 30/10/2019 cho bà Ng, ông Q mượn số tiền 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

Tổng cộng ông Q, bà Ng vay mượn 4 lần của bà với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng). Việc bà cho mượn tiền ông Q, bà Ng có làm biên nhận nợ và do chính bà Ng viết và ký tên để làm tin. Mặc dù bà nhiều lần yêu cầu bà Ng, ông Q trả nợ, nhưng bị đơn chỉ hứa trả nợ chứ không thực hiện.

Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Minh Q, bà Nguyễn Thị Hồng Ng trả số tiền gốc là 270.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn ông Nguyễn Minh Q, bà Nguyễn Thị Hồng Ng vắng mặt, nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Sau khi phân tích đánh giá các tình tiết của vụ án vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Th buộc ông Nguyễn Minh Q và bà Nguyễn Thị Hồng Ng trả cho bà Th số tiền 270.000.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm ông Q, bà Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét thấy hợp đồng vay có lập thành văn bản, thể hiện qua 4 lần vay mượn tiền, bà Ng có viết biên nhận và có cung cấp địa chỉ nơi cư trú của bà Ng trong biên nhận vay tiền, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản giấy triệu tập cho bà Ng và ông Q tại địa chỉ số 78/22D, Trần Phú, khóm 1, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nơi mà bà Ng cung cấp, nhưng không tổng đạt được lý do bà Ng, ông Q đều vắng mặt. Qua xác minh Công an phường D, thành phố Trà Vinh cho biết bà Ng và ông Q không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì không có khai báo nên địa phương không nắm rõ. Do đó xem như khi rời khỏi địa phương bà Ng, ông Q

không có cung cấp địa chỉ nào khác cho bà Th và cũng không báo chính quyền địa phương, xem như đương sự cố tính giấu địa chỉ. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Ng, ông Q là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời trình bày của nguyên đơn, và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, thấy đủ căn cứ xác định:

Việc bà Nguyễn Thị Thu Th cho bà Nguyễn Thị Hồng Ng vay tiền được bà Ng ký tên vay mượn thể hiện tại các biên nhận gồm:

+ Lần 1: Ngày 09/3/2019 bà Ng vay tiền của bà Th 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

+ Lần 2: Ngày 23/3/2019 bà Ng vay tiền của bà Th 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

+ Lần 3: Ngày 15/10/2019 bà Ng vay tiền của bà Th vay 20.000.000 đồng (Hai chục triệu đồng).

+ Lần 4: Ngày 30/10/2019 bà Ng vay tiền của bà Th 50.000.000 đồng (Năm chục triệu đồng).

Tổng cộng bà Ngọc vay mượn 4 lần với số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy chục triệu đồng).

Theo như bà Th trình bày số tiền bà cho bà Ng mượn không có lấy lãi, mặc dù ông Q không có ký tên vào biên nhận nhưng khi vay bà Ng nói là vay tiền để mua vật tư đồ sắt cho ông Q kinh doanh nhôm sắt, phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung gia đình, nên bà mới cho bà Ng vay mượn. Từ khi vay mượn đến nay bà Ng, ông Q chưa trả tiền cho bà, do đó bà yêu cầu bà Ng, ông Q trả lại số tiền gốc 270.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy việc bà Ng vay mượn 270.000.000 đồng của bà Th, ông Q không có ký tên vào biên nhận nợ vay. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh ông Q trình bày có biết việc bà Ng nợ tiền của bà Th và ông cũng hứa sẽ tìm phương án cùng với vợ trả nợ cho bà Th. Do đó việc bà Th yêu cầu bà Ng, ông Q trả lại số tiền gốc 270.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu Th, buộc bà Nguyễn Thị Hồng Ng và ông Nguyễn Minh Q trả cho bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền 270.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Hồng Ng, ông Nguyễn Minh Q phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th .

Tuyên xử: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Ng và ông Nguyễn Minh Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu Th số tiền 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy chục triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Ng và ông Nguyễn Minh Q phải chịu 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Thu Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Th số tiền tạm ứng án phí 6.750.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003089, ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Án xử công khai báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2021. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TV;
- VKSND. TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...)

Huỳnh Kim Triều